

KINH TẾ VIỆT NAM

QUÝ I/ 2012

PGS.TS Nguyễn Sinh Cúc

Tổng cục Thống kê

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2012 tăng 4,00% so với cùng kỳ năm 2011, (5,57%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,84%, đóng góp 0,33 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,94%, đóng góp 1,27 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,31%, đóng góp 2,40 điểm phần trăm.

Tăng trưởng kinh tế quý I năm nay đạt mức thấp do hầu hết các ngành, lĩnh vực gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Tốc độ tăng của ngành này chậm hơn cùng kỳ năm trước và hoạt động xây dựng giảm dẫn đến tốc độ tăng của

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

quý I các năm 2011 và 2012

	Tốc độ tăng so với quý I năm trước (%)		Đóng góp của các khu vực vào tăng trưởng quý I năm 2012 (Điểm %)
	Quý I năm 2011	Quý I năm 2012	
Tổng số	5,57	4,00	4,00
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,65	2,84	0,33
Công nghiệp và xây dựng	5,71	2,94	1,27
Dịch vụ	5,93	5,31	2,40

khu vực công nghiệp và xây dựng quý I năm nay tăng chậm so với cùng kỳ năm trước, từ đó ảnh hưởng đến mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

2. Thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến 15/3/2012 ước tính đạt 136,9 nghìn tỷ đồng, bằng 18,5% dự toán năm, trong đó thu nội địa 89,5 nghìn tỷ đồng, bằng 18,1%; thu từ dầu thô 19,5 nghìn tỷ đồng, bằng 22,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu 27,1 nghìn tỷ đồng, bằng 17,6%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước bằng 22% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể

dầu thô) bằng 16,3%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước bằng 17,8%; thuế thu nhập cá nhân bằng 17,2%; thuế bảo vệ môi trường bằng 18,4%; thu phí, lệ phí bằng 12,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến 15/3/2012 ước tính đạt 164,9 nghìn tỷ đồng, bằng 18,3% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển 31,4 nghìn tỷ đồng, bằng 17,4% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 30,7 nghìn tỷ đồng, bằng 17,6%); chi phát triển sự nghiệp kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể 111,4 nghìn tỷ đồng, bằng 18,5%; chi trả nợ và viện trợ 22,1 nghìn tỷ đồng, bằng 22,1%.

3. Các ngành sản xuất và dịch vụ phát triển khá nhưng không đều và chưa vững

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản Quý I năm 2012 ước tính đạt 50,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Nông nghiệp đạt 37,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2%; lâm nghiệp đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,1%; thủy sản đạt 11,1 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9%.

Tính đến ngày 15 tháng Ba, cả nước đã gieo cấy được 3065,9 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,8% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1106,5 nghìn ha, bằng 101,1%; các địa phương phía Nam 1959,4 nghìn ha, bằng 99%. Do thời tiết trong tháng tương đối thuận nên tiến độ gieo cấy lúa đông xuân năm nay ở các địa phương phía Bắc nhanh hơn cùng kỳ năm trước, tạo điều kiện cho lúa sinh trưởng và phát triển tốt.

Các địa phương phía Nam đã thu hoạch 835,9 nghìn ha lúa đông xuân, chỉ bằng 82,2% cùng kỳ năm trước do lịch xuống giống năm nay muộn, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 805,2 nghìn ha, chiếm 51% diện tích xuống giống và bằng 81,2%. Theo ước tính sơ bộ, năng suất lúa đông xuân vùng đồng bằng sông Cửu Long tăng khoảng 1 tạ/ha so với vụ đông xuân 2011; sản lượng đạt 10,7 triệu tấn, tăng gần 200 nghìn tấn. Năng suất lúa tăng chủ yếu do thời gian ngập lũ kéo dài cuối năm trước

mang lại lượng phù sa nhiều, làm cho đất đai thêm màu mỡ; mặt khác do sử dụng các giống lúa năng suất cao và thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh cũng như ứng dụng một số biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quá trình chăm bón nên hạn chế được dịch bệnh, giúp lúa sinh trưởng và phát triển tốt.

Cùng với việc gieo cấy lúa đông xuân, cả nước đã gieo trồng được 329 nghìn ha ngô đông, bằng 93% cùng kỳ năm trước; 88,1 nghìn ha khoai lang, bằng 105,6%; 432,4 nghìn ha rau đậu, bằng 106,5%. Riêng diện tích đỗ tương và lạc giảm mạnh so với cùng kỳ, trong đó đỗ tương đạt 52,3 nghìn ha, bằng 50,9%; lạc đạt 146,7 nghìn ha lạc, bằng 88,6%. Nguyên nhân do vụ đông 2011-2012 ở các địa phương phía Bắc có thời vụ ngắn, thời tiết lại mưa nhiều nên nông dân chủ yếu gieo trồng các loại cây ngắn ngày, chi phí đầu vào thấp để bảo đảm giải phóng đất cho gieo cấy lúa đông xuân đúng thời vụ.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm ba tháng đầu năm gặp một số khó khăn. Thời tiết rét đậm, rét hại đã làm 1,5 nghìn con gia súc bị chết, trong đó chủ yếu là trâu, bò già và bê, nghé. Ngoài ra, diện tích chăn thả gia súc đang bị thu hẹp, thời gian tái đàn lâu làm ảnh hưởng đến tổng đàn. Chăn nuôi gia cầm bị ảnh hưởng do dịch cúm gia cầm bùng phát tại nhiều địa phương trên cả nước. Tổng số gia cầm mắc bệnh, chết và bị tiêu huỷ là 66,5 nghìn con.

Tính đến ngày 25/3/2012, dịch cúm gia cầm đã được khống chế; dịch bệnh khác chưa qua 21 ngày còn ở các địa phương là: Dịch lở mồm long móng trên trâu, bò ở Hà Nam; dịch tai xanh trên lợn ở Điện Biên.

Hoạt động lâm nghiệp. Tổng diện tích rừng trồng tập trung đạt 16,7 nghìn ha, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 138 nghìn ha, tăng 2,2%; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh 592 nghìn ha, tăng 2,8%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán 62 triệu cây, tăng 2,8%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1045 nghìn m³, tăng 9,3%; sản lượng củi khai thác đạt 7195 nghìn ste, tăng 2,3%.

Thời tiết vào mùa khô hạn nên nhiều địa phương có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao. Quý I đã xảy ra 45 vụ cháy rừng làm thiệt hại 632 ha, gấp 12 lần cùng kỳ năm trước, riêng khu vực Tây Bắc thiệt hại 618 ha; diện tích rừng bị phá là 69 ha.

Tổng sản lượng thủy sản ba tháng đầu năm nay ước tính đạt 1138,2 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 858 nghìn tấn,

tăng 3,8%; tôm đạt 104,5 nghìn tấn, tăng 6%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 511,6 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2011, trong đó cá đạt 380,2 nghìn tấn, tăng 5%; tôm đạt 76,1 nghìn tấn, tăng 7%. Nuôi trồng thủy sản quý I năm nay tương đối thuận lợi do giá cả các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực tăng đã khuyến khích nông dân mở rộng diện tích thả nuôi.

Sản lượng tôm nuôi thu hoạch trong kỳ chủ yếu trên phần diện tích thả nuôi tủa thưa và thả bù. Nuôi tôm sú thâm canh đang trong thời kỳ cải tạo ao đầm, rải rác một số địa phương đã xuống giống. Tuy nhiên, hiện dịch bệnh đã phát sinh và lan rộng ở một số địa phương

Sản lượng thủy sản khai thác quý I ước tính đạt 626,6 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khai thác biển đạt 581,6 nghìn tấn, tăng 3,1%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp ba tháng đầu năm tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó công nghiệp khai thác mỏ tăng 3,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,2%; sản xuất, phân phối điện, ga, nước tăng 13,7%. Trong ba ngành công nghiệp trên, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành tác động chủ yếu đến chỉ số sản xuất chung do chiếm tỷ trọng cao nhất trong giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp với mức khoảng 75%. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu sản phẩm của ngành này gặp nhiều khó khăn dẫn đến kết quả đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ một số năm trước (Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cùng kỳ các năm 2010 và 2011 tương ứng là: 10,6% và 13,4%).

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất ba tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Đóng và sửa chữa tàu tăng 177,8%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 20,1%; sản xuất sản phẩm bơ, sữa tăng 18,9%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 16%; sản xuất thức ăn gia súc tăng 15%; sản xuất, tập trung và phân phối điện tăng 14,2%; chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản tăng 12,2%. Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng khá là: Khai thác, lọc và phân phối nước tăng 8,4%; sản xuất đường tăng 7,3%; sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) tăng 6,3%; khai thác dầu thô và khí tự nhiên tăng 6%. Nhiều ngành có chỉ số sản xuất tăng thấp hoặc giảm là: Sản xuất thuốc lá, thuốc lào tăng 3,8%; sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa tăng 2%; khai thác và thu gom than cứng tăng 0,8%; sản xuất đồ uống không

còn giảm 5%; sản xuất phân bón và hợp chất ni to giảm 5,9%; sản xuất giày, dép giảm 6,9%; sản xuất xi măng giảm 10,7%; sản xuất sắt, thép giảm 15,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 17,5%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện giảm 19,1%.

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hai tháng đầu năm tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Chế biến và bảo quản rau quả tăng 47,5%; sản xuất sản phẩm bơ, sữa tăng 28,3%; sản xuất đường tăng 20,2%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng khá là: Sản xuất thức ăn gia súc tăng 14,1%; chế biến bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản tăng 11,6%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp hoặc giảm là: Sản xuất xe có động cơ tăng 4,9%; sản xuất thuốc lá, thuốc lào tăng 3,5%; sản xuất giày, dép giảm 10,1%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 15,4%; sản xuất xi măng giảm 15,7%; sản xuất đồ uống không cồn giảm 20,1%; sản xuất sắt, thép giảm 24,9%; sản xuất giấy nhẵn và bao bì giảm 26,1%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện giảm 30,1%; sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 35,7%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm liên tục qua các tháng gần đây là: Sản xuất xe có động cơ; sản xuất sắt, thép; sản xuất cáp điện và dây có bọc cách điện.

Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/3/2012 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 34,9% so với cùng thời điểm năm trước.

Giá trị sản xuất xây dựng quý I năm nay theo giá so sánh 1994 ước tính đạt 36,4 nghìn tỷ đồng, bằng 96,4% cùng kỳ năm trước, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 5,1 nghìn tỷ đồng, bằng 84,2%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 30,1 nghìn tỷ đồng, bằng 99%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, bằng 91,2%;

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý I năm 2012 theo giá thực tế ước tính đạt 197,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước và bằng 36,2% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước 74,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 37,5% tổng vốn và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước 71,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 36,2% và tăng 20,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 52 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,3% và giảm 1,3%.

Trong tổng vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện quý I ước tính đạt 37 nghìn tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm và tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2011, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 9,5 nghìn tỷ đồng, bằng 18,6% kế hoạch năm và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn địa phương quản lý đạt 27,5 nghìn tỷ đồng, bằng 19,1% kế hoạch năm và giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2011

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/3/2012 đạt 2634,9 triệu USD, bằng 63,6% cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn đăng ký của 120 dự án được cấp phép mới đạt 2267,4 triệu USD, bằng 44,4% số dự án và bằng 77,2% số vốn cùng kỳ năm 2011; vốn đăng ký bổ sung của 29 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước là 367,5 triệu USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện quý I năm nay ước tính đạt 2,5 tỷ USD, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước.

Cả nước có 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép mới trong quý I, trong đó Bình Dương có số vốn đăng ký lớn nhất với 1225,9 triệu USD, chiếm 54,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hải Phòng 605,2 triệu USD, chiếm 26,7%; Khánh Hòa 180 triệu USD, chiếm 7,9%; Đồng Nai 76,9 triệu USD, chiếm 3,4%.

Trong số 24 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư cấp phép mới vào Việt Nam ba tháng đầu năm, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 2098,8 triệu USD, chiếm 92,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hà Lan 46,1 triệu USD, chiếm 2%; Hàn Quốc 25,8 triệu USD, chiếm 1,1%; Thái Lan 25,3 triệu USD, chiếm 1,1%,...

4. Hoạt động dịch vụ tăng trưởng khá nhưng chưa vững, chưa đều

Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ba tháng đầu năm theo giá thực tế ước tính đạt 569,7 nghìn tỷ đồng, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 5%), bao gồm: Kinh tế cá thể đạt 276,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 48,6% tổng mức và tăng 16,9%; kinh tế tư nhân đạt 202,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 35,6% và tăng 25,7%; kinh tế Nhà nước đạt 66 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,6% và tăng 28,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 3% và tăng 36,7%; kinh tế tập thể đạt 6,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,2% và tăng 19,2%.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ba tháng đầu năm ước tính đạt 24,5 tỷ USD, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt gần 9 tỷ USD, xấp xỉ cùng kỳ năm trước, khu

vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 15,5 tỷ USD, tăng 43,1%.

Một số mặt hàng xuất khẩu đạt mức kim ngạch tăng cao là: Điện thoại các loại và linh kiện đạt 2,9 tỷ USD, tăng 179,8%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 1,6 tỷ USD, tăng 97,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 1,2 tỷ USD, tăng 61,3%. Hàng dệt may đạt 3,2 tỷ USD, tăng 15,4%; dầu thô đạt 1,7 tỷ USD, tăng 9,1%; giày dép đạt 1,5 tỷ USD, tăng 14%; thủy sản đạt 1,3 tỷ USD, tăng 11,7%. Riêng xuất khẩu gạo và cà phê giảm cả về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm trước, trong đó cà phê đạt 514 nghìn tấn, giảm 10,1% và kim ngạch đạt 1,1 tỷ USD, giảm 11,8%; gạo đạt 1104 nghìn tấn, giảm 42,5% và kim ngạch đạt 556 triệu USD, giảm 42,5%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa quý I năm nay, EU là thị trường lớn nhất với kim ngạch ước tính đạt 4,5 tỷ USD, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2011; tiếp đến là Hoa Kỳ đạt 4,1 tỷ USD, tăng 16,5%; ASEAN đạt 3,6 tỷ USD, tăng 21%; Nhật Bản đạt 2,9 tỷ USD, tăng 45%; Trung Quốc 2,6 tỷ USD, tăng 18,1%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ba tháng đầu năm ước tính đạt 24,8 tỷ USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 11,7 tỷ USD, giảm 10,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13 tỷ USD, tăng 30,3%. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu quý I tăng chủ yếu do giá bình quân các mặt hàng nhập khẩu tăng như: Giá phân bón tăng 19%; giá xăng dầu tăng 18%; giá dầu thô tăng 13%; giá khí đốt hoá lỏng tăng 11%.

Về thị trường nhập khẩu ba tháng đầu năm, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất của nước ta với kim ngạch ước tính 5,4 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2011; tiếp đến là ASEAN 4,9 tỷ USD, tăng 2,8%; Hàn Quốc 3,4 tỷ USD, tăng 20%; Nhật Bản đạt 2,6 tỷ USD, tăng 14,8%; EU 1,9 tỷ USD, tăng 25%.

Nhập siêu hàng hóa quý I năm 2012 ước tính 251 triệu USD, bằng 1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 2,75 tỷ USD; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 2,5 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI ba tháng đầu năm 2012 tăng nhẹ ở mức 0,16% so với tháng trước. Đặc biệt chỉ số giá lương thực và thực phẩm đã giảm mạnh, trong đó lương thực giảm 1,21%; thực phẩm giảm 1,25%. Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ, nhóm

nhà ở và vật liệu xây dựng có chỉ số giá tăng cao nhất với 2,31%; nhóm giáo dục tăng 1,11%; giao thông tăng 1,08%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn nhiều hoặc giảm gồm: Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,55%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,48%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,41%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,36%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,16%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,83%; bưu chính viễn thông giảm 0,02%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2012 tăng 2,55% so với tháng 12/2011; tăng 14,15% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I năm nay tăng 15,95% so với bình quân cùng kỳ năm 2011.

Giá cả hàng hóa ba tháng đầu năm nhìn chung có xu hướng tăng chậm lại. Trong chỉ số giá tiêu dùng chung của tháng Ba, mức điều chỉnh tăng giá xăng, dầu gần 10% tác động làm chỉ số giá tăng khoảng 0,08%. Tuy nhiên, tháng Ba là tháng sau Tết Nguyên đán nên nhu cầu tiêu dùng lương thực và thực phẩm không cao như một vài tháng trước, cùng với nguồn cung khá dồi dào nên mức tăng của chỉ số giá nhóm hàng này giảm mạnh. Do đó, với tỷ trọng lớn của nhóm lương thực, thực phẩm trong rổ hàng hóa, dịch vụ thì đây là yếu tố chủ yếu góp phần làm mức tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng Ba giảm.

Chỉ số giá vàng tháng 3/2012 giảm 0,44% so với tháng trước; giảm 0,91% so với tháng 12/2011; tăng 17,58% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2012 giảm 0,63% so với tháng trước; giảm 0,99% so với tháng 12/2011; giảm 2,38% so với cùng kỳ năm 2011.

Khách quốc tế đến Việt Nam ba tháng đầu năm ước đạt 1873,7 nghìn lượt người, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng đạt 1112,6 nghìn lượt người, tăng 24,5%; đến vì công việc 319,5 nghìn lượt người, tăng 28,2%; thăm thân nhân đạt 334,5 nghìn lượt người, tăng 23,2%.

Một số quốc gia và vùng lãnh thổ có lượng khách đến nước ta tăng so với cùng kỳ năm trước là: Trung Quốc 391,6 nghìn lượt người, tăng 36%; Hàn Quốc 206,3 nghìn lượt người, tăng 43,3%; Nhật Bản 159,2 nghìn lượt người, tăng 16,9%; Hoa Kỳ 134,8 nghìn lượt người, tăng 0,9%; Đài Loan 118,6 nghìn lượt người, tăng 33,7%; Cam-pu-chia 90,6 nghìn lượt người, tăng 18,1%; Pháp 72 nghìn lượt người, tăng 14,9%; Ma-lai-xi-a 70,2 nghìn lượt người, tăng 32%; Nga 56,2 nghìn lượt người, tăng 45,4%. □